

 Part 1: Vocabulary (10 questions)

Choose the correct meaning.

1. banana

- A. táo
- B. chuối
- C. cam

2. colour

- A. màu sắc
- B. kích thước
- C. hình dạng

3. classroom

- A. thư viện
- B. phòng học
- C. phòng giáo viên

4. headmaster

- A. giáo viên
- B. học sinh
- C. hiệu trưởng

5. office

- A. văn phòng
- B. nhà ăn
- C. sân chơi

6. village

- A. thành phố
- B. làng, quê
- C. thị trấn lớn

7. mountain

- A. sông
- B. núi
- C. biển

8. garden

- A. nhà kho

- B. khu vườn
- C. bãi đỗ xe

9. floor

- A. mái nhà
- B. tầng
- C. cửa sổ

10. teacher

- A. học sinh
- B. phụ huynh
- C. giáo viên



Part 2: Grammar – a / an (10 questions)

Choose the correct answer.

11. ___ banana

- A. a
- B. an

12. ___ apple

- A. a
- B. an

13. ___ teacher

- A. a
- B. an

14. ___ office

- A. a
- B. an

15. ___ village

- A. a
- B. an

16. ___ umbrella

- A. a
- B. an

17. ____ mountain

A. a

B. an

18. ____ hour

A. a

B. an

19. ____ classroom

A. a

B. an

20. ____ egg

A. a

B. an